TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/*2019*/HNGĐ - ST
Ngày 13 tháng 9 năm 2019
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tiến

2. Ông Nguyễn Cao Biền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông: Bà Trần Thị Luyến – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 9 năm 2019 tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

<u>Nguyên đơn</u>: Anh Trần Văn B, sinh năm 1971

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ dân phố 20, B 9, phường P, quận H, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

<u>Bị đơn</u>: Chị Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1973

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 20, B 9, phường P, quận H, Hà Nội.

Hiện đang cư trú tại: Số nhà 110, tổ 18, phường P, quận H, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2018 và các văn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Văn B trình bầy***:

Anh và chị Nguyễn Hồng Th chung sống với nhau từ năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày tháng năm nào thì đến nay do đã lâu nên anh B

không nhớ cho đến ngày 14/10/2011 do giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng anh đã cũ, nhàu nát nên anh B và chị Th đã đề nghị Ủy ban nhân dân phường P cấp lại. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ dân phố 20, Bắc Lãm 9, phường P, quận H, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2013 cho đến nay.

Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

- Về con chung: Anh B xác nhận anh và chị Th có 02 con chung làTrần Văn Tr (nam), sinh ngày 22/10/2001 và Trần Thị Quỳnh A (nữ), sinh ngày 06/02/2005. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Th. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con , nếu các cháu mong muốn ở với chị Th thì anh cũng đồng ý và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng). Hiện nay anh đang làm kinh doanh tự do và mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Nếu trong trường hợp cả hai cháu mong muốn nguyện vọng ở với anh B thì anh B cũng đồng ý nuôi các cháu và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2019 anh B đồng ý để chị Th là người trực tiếp nuôi 02 con chung theo nguyện vọng của các con và anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng).

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):

Về động sản: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bất động sản: Anh B xác nhận vợ chồng có 01 tài sản chung là nhà đất tại số nhà 6, tổ dân phố 20, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nhà đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Văn B và bà Nguyễn Hồng Th. Nhà đất này hiện nay anh B đang sử dụng. Nhà đất này có nguồn gốc là của bố mẹ đẻ anh B cho vợ chồng đất từ năm 2014 , sau đó anh B và chị Th đã xây dựng nhà cấp 4 như hiện nay. Khi xây nhà thì tiền xây nhà của cả hai vợ chồng tích cóp được để xây nhà. Trường hợp nếu ly hôn anh B đề nghị Tòa án giải quyết chia nhà đất trên theo qui định của pháp luật, anh B xin nhận bằng hiện vật vì ngoài chỗ ở này anh B không còn chỗ ở nào khác.

- Về công nợ: Anh B xác nhận anh và chị Th không nợ ai không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản tự khai ngày 03/8/2018 cùng các văn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa chị Nguyễn Hồng Th trình bầy:

Về thời gian kết hôn, chung sống vợ chồng và nơi ở như anh B trình bầy là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Th xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh B xin ly hôn chị, chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên anh B xin ly hôn chị thì chị cũng đồng ý.

- Về con chung: Chị Th xác nhận chị và anh B có 02 con chung như anh B trình bày là đúng. Hiện hai cháu đang ở với chị, ly hôn chị đồng ý với ý kiến của anh B, đồng ý nhận nuôi cả hai con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh B đưa ra.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):

Về động sản: Trước đây chị Th có yêu cầu Tòa án giải quyết một số đồ dùng sinh hoạt gia đình nhưng đến nay chị xin rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bất động sản: Chị Th xác nhận vợ chồng có 01 tài sản chung là nhà đất tại số nhà 6, tổ dân phố 20, phường P, quận H, thành phố Hà Nội như anh B trình bày là đúng. Nhà đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Văn B và bà Nguyễn Hồng Th. Nhà đất này hiện nay anh B đang quản lý và sử dụng. Nhà đất này có nguồn gốc là của bố mẹ chồng cho vợ chồng chị đất từ khoảng năm 2012 , sau đó khi sử dụng chị và anh B đã xây dựng nhà cấp 4 như hiện nay. Khi xây nhà thì tiền xây nhà là của cả hai vợ chồng tích cóp được để xây nhà. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi nhà đất trên cho chị và chị xin nhận bằng hiện vật để ở vì hiện nay chị đang phải đi thuê nhà để ở, chị và các con không có chỗ ở nào khác.

Trước đây tại Tòa án chị Th khai giữa chị và anh B còn có 01 mảnh đất dịch vụ vợ chồng mua của bố chồng là ông Trần Văn Tuệ vào tháng 01 năm 2015.Nhưng nay chị xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Trước đây chị Th khai vợ chồng có vay nợ của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền là 60.000.000 đồng và vay của bà Ơn 01 cây vàng có trị giá là 31.000.000 đồng để mua mảnh đất dịch vụ của bố

chồng . Nay Chị Th xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết vì thực tế số tiền vay nợ Ngân hàng thì bản thân chị là người trực tiếp đứng ra vay, anh B không biết và chị ký hợp đồng vay theo tín chấp lương của cá nhân chị và hiện nay chị đã trả hết Ngân hàng số tiền trên. Còn về số nợ bà Ơn thì chị tự nhận trả, không đề nghị Tòa án giải quyết và bà Ơn cũng có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Trần Văn B, bị đơn chị Nguyễn Hồng Th vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày tại Tòa án và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*****Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định, tuy nhiên Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn B và chị Nguyễn Hồng Th. Về con chung: Xác nhận anh B, chị Th có 02 con chung là Trần Văn Tr (nam), sinh ngày 22/10/2001 và Trần Thị Quỳnh A (nữ), sinh ngày 06/02/2005. Ghi nhận sự thống nhất của anh B, chị Th về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn: Giao cho chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Văn Tr và cháu Trần Thị Quỳnh A và anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng). Về tài sản chung: Về động sản: Anh B, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về bất động sản: Xác nhận anh B , chị Th có 01 tài sản chung là nhà đất tại số nhà 6, tổ dân phố 20, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nhà đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Văn B và bà Nguyễn Hồng Th, nhà đất trên có diện tích là 63,4m^2 . Chia cho anh B, chị Th mỗi người được quyền sở hữu và sử dụng ½ diện tích nhà đất trên.

Về công nợ: Anh B, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là chị Nguyễn Hồng Th. Chị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 20, Bắc Lãm 9, phường P, quận H, Hà Nội; Hiện đang cư trú tại: Số nhà 110, tổ 18, phường P, quận H, Hà Nội. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2].**Về quan hệ hôn nhân**: Anh Trần Văn B và chị Nguyễn Hồng Th chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, thành phố Hà Nội ngày 14/10/2011. Hôn nhân của anh B, chị Th là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh B, chị Th đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh B, chị Th đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh B, chị Th cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất thuận tình ly hôn

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B Hội đồng xét xử thấy: Cả anh B và chị Th xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh B và chị Th.

[3]. **Về con chung**: Anh B, chị Th xác nhận có 02 con chung là Trần Văn Tr (nam), sinh ngày 22/10/2001 và Trần Thị Quỳnh A (nữ), sinh ngày 06/02/2005. Hiện 02 cháu đang sống cùng chị Th. Ly hôn anh B, chị Th thống nhất để chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 chung theo nguyện vọng của các cháu và anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng). Xét yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của anh B, chị Th đồng xét xử thấy: Sự thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh B, chị Th là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến nguyện vọng của 02 con chung nên căn cứ vào Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được ghi nhận.

[4]. **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản):

Về động sản: Anh B, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về bất động sản: Anh B, chị Th xác nhận vợ chồng có 01 tài sản chung là nhà đất tại số nhà 6, tổ dân phố 20, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nhà đất này có diện tích là 63,4 m^2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Văn B và bà Nguyễn Hồng Th.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì tại địa chỉ trên có 01 nhà cấp 4,xây tường 10, mái lợp Brôximăng, nhà xây dựng năm 2002. Từ cửa vào có 01 phòng khách, tiếp theo bên tay phải từ cửa vào có 01 phòng bếp và nhà vệ sinh, phía trong cùng là phòng ngủ (diện tích các phòng có sơ đồ kèm theo).

Nhà đất trên có vị trí tứ cận như sau:

-Phía Bắc là mặt tiền của ngôi nhà giáp đường ngõ.

-Phía Đông giáp nhà ông Trần Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Nhạn.

-Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Đình Thuần.

-Phía Tây giáp nhà ông Trần Văn Long.

Về diện tích đất ở: Có diện tích là 63,4 m^2 , Hội đồng định giá tài sản đã thống nhất xác định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa phương có giá là 6.100.000 đồng/1m^2 . Nên diện tích đất ở nêu trên có giá trị là: 63,4 m^2 x 6.100.000 đồng/1m^2 = 386.740.000 đồng.

Về phần diện tích xây dựng: Nhà xây dựng từ năm 2002 xây hết đất nên đến nay khấu hao còn lại là 30%, giá xây dựng quyền sở hữu nhà ở có giá là 2.522.000 đồng/1m^2. Nên diện tích xây dựng có giá trị là: 63,4 m^2 x 30% x 2.522.000 đồng = 47.968.000 đồng.

Do vậy, tổng giá trị nhà, đất trên là: 386.740.000 đồng + 47.968.000 đồng = 434.708.000 đồng.

Xét yêu cầu chia bất động sản là nhà đất của anh B, chị Th Hội đồng xét xử thấy: Theo như anh B và chị Th xác nhận thì nhà đất tại địa chỉ trên có nguồn gốc là của bố mẹ anh B cho vợ chồng từ khoảng năm 2012, sau đó vợ chồng đã xây dựng nhà cấp 4 như hiện nay và nhà đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Văn B và bà Nguyễn Hồng Th nên có căn cứ xác nhận đây là tài sản chung của anh B và chị Th. Nay ly hôn cả anh B và chị Th đều có như cầu sử dụng nhà đất trên và yêu cầu chia theo quy định của pháp luật và các bên xin nhận bằng hiện vật . Căn cứ vào yêu cầu của các bên nên Hội đồng xét xử thấy:

Khi chia tài sản chung của vợ chồng cần xem xét đến công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung; hoàn cảnh của gia đình và của vợ chồng. Tài sản chung của anh B, chị Th có nguồn gốc là của bố mẹ anh B cho vợ chồng, nhưng cả anh B và chị Th đều có công sức đóng góp để duy trì và phát triển khối tài sản chung này và hiện tại chị Th đang nuôi cả hai con chung nên khi chia giá trị tài sản chung cần chia đôi nhà đất trên để đảm bảo chỗ ở cho các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Nhà đất trên có giá trị là 434.708.000 đồng chia đôi thì anh B, chị Th sẽ được hưởng mỗi người là 217.354.000 đồng, nhưng cả anh B và chị Th đều xin chia bằng hiện vật nên cần chia đều ngang nhau cụ thể:

Chị Th được chia sở hữu và sử dụng ½ diện tích nhà đất được thể hiện bởi các điểm như sau: 1,2,3,4,2',9 có số đo cụ thể là {(9,6m+3,75m+3,95m+9,65m):2}x 2,36m = 31,7 m^2. Phần diện tích nhà đất chị Th được chia có vị trí tứ cận như sau:

-Phía Bắc là mặt tiền của ngôi nhà giáp đường ngõ.

-Phía Đông giáp nhà ông Trần Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Nhạn.

-Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Đình Thuần.

-Phía Tây giáp phần diện tích nhà đất của anh B được chia.

(có sơ đồ kèm theo).

Anh B được chia sở hữu và sử dụng ½ diện tích nhà đất được thể hiện bởi các điểm như sau: 9,2',4,5,6, 6',7, 7',8 có số đo cụ thể là: { (9,65m+ 3,95m+ 4,14m+ 5,05m + 4,66m):2} x (2,14 m + 2,48 m) = 31,7 m^2 . Phần diện tích nhà đất anh B được chia có vị trí tứ cận như sau:

-Phía Bắc là mặt tiền của ngôi nhà giáp đường ngõ.

-Phía Đông giáp phần diện tích đất của chị Th được chia.

-Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Đình Thuần.

- Phía Tây giáp nhà ông Trần Văn Long.

(có sơ đồ kèm theo)

Các bên có quyền xây ngăn riêng biệt phần diện tích nhà đất được chia, phí tổn bên nào xây thì chịu và được sở hữu nguyên vật liệu xây dựng đó.

Các đương sự có trách nhiệm hoàn tất thủ tục nhà đất tại cơ quan có thẩm quyền.

[5]. **Về nợ**: Anh B, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. **Về chi phí tố tụng:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th tự nguyện chịu cả chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tài sản chung.

[7]. **Về án phí**:

Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nhà đất có giá trị là 434.708.000 đồng chia đôi thì anh B, chị Th sẽ được hưởng mỗi người là 217.354.000 đồng, do đó mỗi người phải chịu 10.868.000 đồng án phí chia tài sản chung.

Tổng cộng anh B phải chịu 11.468.000 đồng án phí dân sự sư thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001600 ngày 04/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà đông, anh B còn phải nộp 11.168.000 đồng.

Chị Th phải chịu 10.868.000 đồng án phí chia tài sản , nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001848 ngày 07/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà đông, chị Th còn phải nộp 868.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; 158; 166; Điều 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn B và chị Nguyễn Hồng Th

2.Về con chung: Xác nhận anh Trần Văn B và chị Nguyễn Hồng Th có 02 con chung là Trần Văn Tr (nam), sinh ngày 22/10/2001 và Trần Thị Quỳnh A (nữ), sinh ngày 06/02/2005. Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của anh B, chị Th về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung: Giao cho chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Văn Tr và cháu Trần Thị Quỳnh A và anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là

3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh B có, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):

Về động sản: Anh B, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về bất động sản: Xác nhận anh B, chị Th có 01 tài sản chung là nhà đất tại số nhà 6, tổ dân phố 20, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Nhà đất này có diện tích là 63,4 m^2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trần Văn B và bà Nguyễn Hồng Th.

Chia cho chị Th được sở hữu và sử dụng ½ diện tích nhà đất được thể hiện bởi các điểm như sau: 1,2,3,4,2',9 có số đo cụ thể là {(9,6m+3,75m+3,95m+9,65m) :2}x 2,36m = 31,7 m^2. Phần diện tích nhà đất chị Th được chia có vị trí tứ cận như sau:

-Phía Bắc là mặt tiền của ngôi nhà giáp đường ngõ.

-Phía Đông giáp nhà ông Trần Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Nhạn.

-Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Đình Thuần.

-Phía Tây giáp phần diện tích nhà đất của anh B được chia.

Chia cho anh B được sở hữu và sử dụng ½ diện tích nhà đất được thể hiện bởi các điểm như sau: 9,2',4,5,6, 6',7, 7',8 có số đo cụ thể là: { (9,65m+ 3,95m+ 4,14m+ 5,05m + 4,66m):2} x (2,14 m + 2,48 m) = 31,7 m^2 . Phần diện tích nhà đất anh B được chia có vị trí tứ cận như sau:

-Phía Bắc là mặt tiền của ngôi nhà giáp đường ngõ.

-Phía Đông giáp phần diện tích đất của chị Th được chia.

-Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Đình Thuần.

-Phía Tây giáp nhà ông Trần Văn Long.

(Có sơ đồ kèm theo)

Các bên có quyền xây ngăn riêng biệt phần diện tích nhà đất được chia, phí tổn bên nào xây thì chịu và được sở hữu nguyên vật liệu xây dựng đó.

Các đương sự có trách nhiệm hoàn tất thủ tục nhà đất tại cơ quan có thẩm quyền.

4. Về nợ: Anh B, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 10.868.000 đồng án phí

dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Tổng cộng anh B phải chịu 11.468.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001600 ngày 04/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà đông, anh B còn phải nộp 11.168.000 đồng.

Chị Th phải chịu 10.868.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản , nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001848 ngày 07/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà đông, chị Th còn phải nộp 868.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh B, chị Th. Anh B, chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán các khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- Đương sự;
- UBND phường P, quận H, thành phố Hà Nội;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Thủy